

Bản án số: 25/2023/HS-PT

Ngày 14 - 3 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Anh Cường

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Duy Sơn

Ông Nguyễn Xuân Trọng

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 109/2022/TLPT- HS ngày 03/10/2022 đối với bị cáo Nguyễn Đăng Q và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2022/HS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị cáo kháng cáo:

1. **Nguyễn Đăng Q**, sinh ngày 21 tháng 05 năm 1998, tại Phường A, thành phố B, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Vĩnh Phúc; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Đăng N và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Nguyễn Thị Kim X và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22 tháng 7 năm 2021, hiện đang tại ngoại (Có mặt).

2. **Nguyễn Đăng N**, sinh ngày 26 tháng 9 năm 1997, tại Phường A, thành phố B, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Vĩnh Phúc; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Đăng B và bà Nguyễn Thị C; có vợ là Phan Thị Thúy Q và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22 tháng 7 năm 2021 đến nay, hiện đang tại ngoại (Có mặt).

3. **Nguyễn Đăng K**, sinh ngày 30 tháng 06 năm 2004, tại Phường A, thành phố B, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Vĩnh Phúc; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: Học sinh; con ông Nguyễn Đăng M và bà Hà Thị V; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22 tháng 7 năm 2021 đến nay, hiện đang tại ngoại (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo K: Bà Kim Hồng T- Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo khác, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 07 tháng 6 năm 2021, Nguyễn Đăng K đến nhà cô ruột là Nguyễn Thị N ở Tổ dân phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Vĩnh Phúc chơi. Đến khoảng 08 giờ 00 phút cùng ngày, chị N đi làm, K thấy 02 chiếc chìa khóa kết sắt của gia đình chị N để trong túi nilon màu đỏ ở đầu giường. K nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong kết sắt của chị N nên K lấy chìa khóa kết sắt rồi treo qua cửa sổ vào bên trong phòng, dùng chìa khóa mở ổ khóa kết sắt, thấy 01 cọc tiền được buộc bằng dây chun đựng trong túi nilon màu đỏ. K rút một phần tiền trong cọc tiền trên cất vào người rồi để số tiền còn lại vào vị trí cũ, sau đó đóng cửa kết sắt và theo lối cũ đi ra ngoài cất chìa khóa kết vào vị trí ban đầu rồi đi về nhà K. Khi về nhà, K bỏ số tiền trộm cắp của chị N ra đếm được số tiền 16.350.000 đồng. Số tiền trộm cắp được, K mua 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11 màu trắng với giá 12.800.000 đồng tại cửa hàng Hậu Mobile (Chủ cửa hàng là anh Nguyễn N Hậu); K cho Cao Văn H vay số tiền 2.500.000 đồng (Trong đó: có 1.000.000 đồng ông H dùng để trả tiền uống bia, còn lại 1.500.000 đồng H dùng để đánh bạc tại nhà Nguyễn Đăng N); số tiền còn lại 1.050.000 đồng, K sử dụng để đánh bạc tại nhà Nguyễn Đăng N và chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra xác định hành vi đánh bạc tại nhà Nguyễn Đăng N, cụ thể như sau: Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 07 tháng 6 năm 2021, tại nhà riêng của Nguyễn Đăng N ở tổ dân phố C, phường A, thành phố B có Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Văn T đến nhà N để đánh bạc. Q rủ N, T và gọi điện thoại rủ Cao Văn H đến đánh bạc. Sau khi H đến, Q và H góp chung tiền để đánh bạc với T, trong đó Q tham gia đánh bạc trực tiếp, H cầm tiền chi, trả sau mỗi ván thắng thua. Q, T và H thống nhất đánh bạc bằng hình thức chơi Sâm ăn tiền với mức tiền cá cược là

10.000 đồng/1 lá bài, Sâm là 200.000 đồng. Quá trình đánh bạc thì T gọi điện thoại rủ Nguyễn Quang O đến đánh bạc. Lúc này, O đang đi cùng Nguyễn Văn Đ nên O rủ thêm Đ đến nhà N để đánh bạc.

Khoảng 15 phút sau, Đ và O đến tham gia đánh bạc. Lúc này, Q, H, T, O và Đ cùng thống nhất đánh bạc bằng hình thức chơi ba cây ăn tiền, mức tiền cá cược thấp nhất là 100.000 đồng, cao nhất là 300.000 đồng, trong đó: Q, T và O tham gia đánh bạc trực tiếp, H chung tiền với Q như ban đầu, Đ ngồi ghế đặt cửa của T và O. Quá trình đánh bạc thì H có gọi điện rủ thêm Nguyễn Đăng K đến đánh bạc. K đến rồi tham gia đánh bạc cùng mọi người bằng hình thức đặt cửa của Q. Tiếp sau K có Nguyễn Đăng Bình (Là bố của N) cũng đến tham gia đánh bạc cùng mọi người bằng hình thức đặt cửa của O. Tổng số người tham gia đánh bạc gồm: Q, T, H, O, Đ, Bình và K. Đến khoảng gần 16 giờ 00 cùng ngày, Q và H đánh bạc thua hết tiền nên tất cả giải tán.

Quá trình điều tra vụ án xác định mỗi bị cáo có sử dụng số tiền đánh bạc, các bị cáo cầm cố tài sản, cho nhau vay tiền để phục vụ vào việc đánh bạc cụ thể như sau:

Q mang theo và sử dụng số tiền 6.000.000 đồng và H có 1.500.000 đồng (Là tiền vay của K trước khi vào đánh bạc) để đánh bạc, Q và H góp chung tiền để sử dụng đánh bạc với cả bọn, trong đó Q tham gia đánh bạc trực tiếp, H cầm tiền chia sau mỗi ván thắng thua. Quá trình đánh bạc bị thua, Q lần lượt cầm cố 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng của Q cho T để vay số tiền 5.000.000 đồng và cầm cố 01 chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 88H1 - 322.29 của Q cho T để vay số tiền 5.000.000 đồng lấy tiền tham gia đánh bạc. Còn H lần lượt cầm cố 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave màu sơn đỏ - đen, biển kiểm soát 29C1 - 687.29 của H cho T được 4.000.000 đồng, H còn mượn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu trắng của K (K biết và đồng ý) đem cầm cố cho T vay 7.000.000 đồng để lấy tiền tiếp tục đánh bạc. Đến khi kết thúc, Q và H đều thua hết số tiền mang theo và số tiền đã cầm cố tài sản vay được như trên. Ngoài ra, khi đánh bạc Q nộp cho N chủ nhà 100.000 đồng tiền hồ.

T không mang theo tiền, T vay của Nguyễn Đăng N tiền để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Cụ thể: T vay lần 1 của N 3.000.000 đồng để đánh bạc, sau đó thắng bạc T trả N đủ 3.000.000 đồng. Sau đó, T vay N lần 2 là 10.000.000 đồng (Trong đó có 3.000.000 đồng đã trả nợ N lần trước đó) với mục đích đánh bạc và lần lượt nhận cầm cố tài sản của Q và H là xe mô tô và điện thoại như nêu trên. Đến khi kết thúc, T thắng bạc, T trả N số tiền 7.000.000 đồng, nợ lại 3.000.000 đồng, mang về 1.400.000 đồng. Ngoài ra, khi đánh bạc T nộp cho N chủ nhà số tiền 100.000 đồng tiền hồ.

O sử dụng số tiền 900.000 đồng và vay của Đ 1.500.000 đồng, tổng là 2.400.000 đồng dùng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, O thắng bạc, O trả nợ

cho Bình số tiền 5.000.000 đồng (Vay từ trước không liên quan đến đánh bạc) và trả cho Đ 1.500.000 đồng, mang về 1.200.000 đồng. Ngoài ra, khi đánh bạc O nộp cho N chủ nhà số tiền 100.000 đồng tiền hồ.

Đ sử dụng số tiền 1.500.000 đồng không dùng đánh bạc, số tiền này Đ cho O vay để đánh bạc. Sau đó, Đ vay N số tiền 500.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, Đ ngồi ngoài đặt cửa của O, đến khi kết thúc, Đ không thắng không thua, Đ trả cho N 500.000 đồng.

Bình sử dụng số tiền 1.200.000 đồng và sử dụng hết vào mục đích đánh bạc. Đến khi kết thúc, Bình thắng bạc số tiền 3.700.000 đồng, O trả cho Bình số tiền 5.000.000 đồng, Bình mang về tổng 9.900.000 đồng.

K sử dụng số tiền 200.000 đồng và đã sử dụng hết vào mục đích đánh bạc. K có đặt cửa Q 01 ván là 200.000 đồng bị thua nên K ngồi xem, K cho H mượn 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 (Điện thoại K mua bằng tiền trộm cắp và cũng là điện thoại liên lạc H rủ nhau đi đánh bạc) để H cầm cố cho T vay 7.000.000 đồng và sử dụng số tiền này để đánh bạc.

Tuy Nguyễn Đăng N không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng N đã cho T vay tiền 2 lần với tổng là 10.000.000 đồng và cho Đ vay số tiền 500.000 đồng để T và Đ sử dụng tham gia đánh bạc. N thu tiền hồ của T, Q và O với tổng số tiền là 300.000 đồng, N trực tiếp canh gác, cảnh giới để cho mọi người đánh bạc tại nhà của N.

Như vậy tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là: 21.800.000 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:

- Thu giữ tại hiện trường: 01 bộ bài tú lơ khơ còn mới nguyên hộp và 52 quân bài tú lơ khơ đã cũ.

- Thu giữ của Nguyễn Đăng B: 37.020.000 đồng và 01 điện thoại di động Iphone 6 màu trắng. Quá trình điều tra xác định trong đó có 9.900.000 đồng là tiền đánh bạc.

- Thu giữ của Nguyễn Văn T: 19.425.000 đồng và 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng gold, 01 điện thoại Iphone 7 plus màu đỏ, 01 Iphone 11 màu trắng và 01 xe mô tô biển kiểm soát 29L1 – 687.29. Quá trình điều tra xác định trong đó:

- + Số tiền 1.400.000 đồng là tiền T đã thắng bạc; 01 chiếc điện thoại Iphone 6 màu vàng gold là điện thoại T, dùng gọi rủ O đi đánh bạc và 01 Iphone 11 màu trắng H mượn của K, 01 xe mô tô biển kiểm soát 29L1 – 687.29 là tài sản H cầm cố cho T để vay tiền đánh bạc.

- + 18.025.000 đồng và 01 điện thoại Iphone 7 plus màu đỏ là tài sản của T không liên quan đến việc phạm tội.

- Thu giữ của Nguyễn Đăng N: 16.100.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu đen, biển kiểm soát 88B1-163.21; 01 xe mô tô Wave RX không gắn biển kiểm soát; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu xanh ngọc; 01 điện thoại di động loại bàn phím không rõ nhãn hiệu; 01 model và 01 đầu thu camera; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125i, biển kiểm soát 88H1 - 227.83 và đăng ký xe. Quá trình điều tra xác định:

+ Trong số tiền 16.100.000 đồng có 7.800.000 đồng là tiền đánh bạc, còn 8.300.000 đồng còn lại không liên quan đến đánh bạc.

+ 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88B1-163.21 là của anh Nguyễn Mạnh C. Ngày 08 tháng 6 năm 2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã tạm giữ chiếc xe mô tô trên của Nguyễn Văn Càng, anh Càng mượn chiếc xe trên của anh Cường đến nhà Nguyễn Đăng N chơi. Anh Càng và anh Cường không liên quan gì đến vụ án. Do đó, ngày 28 tháng 9 năm 2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại tài sản trên cho anh Cường, anh Cường đã nhận tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RX màu đỏ đen, xe không gắn biển kiểm soát, quá trình điều tra xác định chiếc xe trên có biển kiểm soát là 29G1-598.24, chủ đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Thùy Dung. Năm 2018, chị Dung đã cho anh trai ruột là Nguyễn Sơn Hải sử dụng làm phương tiện đi lại hàng ngày. Vào khoảng cuối năm 2019, anh Hải giao lại chiếc xe trên cho O quản lý. Quá trình Nguyễn Quang O sử dụng chiếc xe trên đã làm rơi mất chiếc biển kiểm soát 29G1-598.24.

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125i, biển kiểm soát 88H1 - 227.83 cùng đăng ký xe; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu xanh ngọc; 01 điện thoại di động loại bàn phím không rõ nhãn hiệu; 01 model và 01 đầu thu camera là tài sản của Nguyễn Đăng N, không liên quan đến việc phạm tội. Ngày 28 tháng 09 năm 2021 cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho N 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125i, biển kiểm soát 88H1 - 227.83 cùng đăng ký xe; 01 model và 01 đầu thu camera. Riêng 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu xanh ngọc và 01 điện thoại di động loại bàn phím không rõ nhãn hiệu, cần trả lại cho N nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Thu giữ của Nguyễn Đăng Q và vợ là chị Nguyễn Thị Kim Xuyên 01 Iphone X màu trắng và 01 Iphone 6s màu ghi xám, nút phím home. Quá trình điều tra, xác định 01 điện thoại Iphone X là tài sản của Q dùng gọi cho H rủ đi đánh bạc và cầm cố vay tiền T đánh bạc. Còn điện thoại Iphone 6s không liên quan đến việc phạm tội nên cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho Q.

- Thu giữ của H: 01 điện thoại Iphone XS max màu vàng và 01 điện thoại Nokia màu đen. Quá trình điều tra xác định:

+ 01 chiếc Iphone XS max nêu trên là của chị Đoàn Thị Ê là vợ của H, không liên quan đến việc phạm tội. Ngày 28 tháng 9 năm 2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại tài sản trên cho chị Ê, chị Ê đã nhận đủ tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

+ 01 điện thoại Nokia màu đen là điện thoại H có liên lạc với Q, K rủ nhau đi đánh bạc.

- Thu giữ của O: Số tiền 1.200.000 đồng và 01 điện thoại Nokia màu đen, trắng đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định được 1.200.000 đồng là số tiền đánh bạc O cầm về và điện thoại O liên lạc với T rủ nhau đi đánh bạc.

- Thu giữ của Đ: 01 điện thoại Nokia loại bàn phím và 1.500.000 đồng. Quá trình điều tra xác định 1.500.000 đồng là tiền Đ cho O vay để đánh bạc, còn điện thoại trên không liên quan đến việc phạm tội.

- Thu giữ 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave màu trắng đen bạc, biển kiểm soát 88H1 - 322.29 cùng đăng ký xe; 01 hóa đơn + 01 thẻ thành viên Vip của cửa hàng Hậu mobile mang tên Nguyễn Đăng K. Quá trình điều tra xác định:

+ 01 xe mô tô biển kiểm soát 88H1 – 322.29 cùng đăng ký xe là của anh Nguyễn Đăng L là em ruột của Nguyễn Đăng Q. Anh L không biết việc Q sử dụng xe để cầm cố tài sản vay tiền đánh bạc nên không có lỗi. Ngày 29 tháng 9 năm 2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại tài sản trên cho anh L, anh L đã nhận tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

+ 01 hóa đơn + 01 thẻ thành viên vip của cửa hàng Hậu mobile mang tên Nguyễn Đăng K, là hóa đơn K mua điện thoại từ tiền trộm cắp và được cấp thẻ của Nguyễn Đăng K, chuyển theo hồ sơ vụ án.

Với hành vi như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2022/HS-ST ngày 11/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đăng N, phạm tội “Tổ chức đánh bạc và gá bạc” Nguyễn Đăng Q phạm tội “Đánh bạc”, Nguyễn Đăng K phạm tội “Đánh bạc” và “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng N 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng Q 01 (Một) năm 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 321, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 91, 98, 101, 103 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng K 07 (Bảy) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; 08 (Tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo K phải chấp hành cho cả hai tội là 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/7/2022 bị cáo Nguyễn Đăng K có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; ngày 14/7/2022 bị cáo Nguyễn Đăng N và Nguyễn Đăng Q có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa đã phát biểu quan điểm, phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Đăng N, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm; đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đăng K theo hướng giữ nguyên hình phạt nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo K, nhất trí đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, để bị cáo có điều kiện sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Đăng N, Nguyễn Đăng K làm trong hạn luật định, đơn hợp lệ được xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Đăng N, Nguyễn Đăng K đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 07 tháng 6 năm 2021, Nguyễn Đăng K đến nhà cô ruột là Nguyễn Thị N ở Tổ dân phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Vĩnh Phúc chơi. Đến khoảng 08 giờ 00 phút cùng ngày, chị N đi làm, K thấy 02 chiếc chìa khóa kết sắt của gia đình chị N để ở đầu giường. K nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong kết sắt của chị N nên K lấy chìa khóa, trèo qua cửa sổ vào bên trong phòng, dùng chìa khóa mở kết sắt, thấy 01 cọc tiền, K rút một phần tiền trong

cọc tiền trên cát vào người rồi để số tiền còn lại vào vị trí cũ, sau đó đóng cửa két sắt và theo lối cũ đi ra ngoài cát chìa khóa két vào vị trí ban đầu rồi đi về nhà. Khi về nhà, K bỏ số tiền trộm cắp của chị N ra đếm được số tiền 16.350.000 đồng. Số tiền trộm cắp được, K mua 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11 màu trắng với giá 12.800.000 đồng tại cửa hàng Hậu Mobile (Chủ cửa hàng là anh Nguyễn N Hậu); K cho Cao Văn H vay số tiền 2.500.000 đồng (Trong đó: có 1.000.000 đồng ông H dùng để trả tiền uống bia, còn lại 1.500.000 đồng H dùng để đánh bạc tại nhà Nguyễn Đăng N); số tiền còn lại 1.050.000 đồng, K sử dụng để đánh bạc tại nhà Nguyễn Đăng N và chi tiêu cá nhân hết

Quá trình điều tra xác định hành vi đánh bạc tại nhà Nguyễn Đăng N, cụ thể như sau: Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 07 tháng 6 năm 2021, tại nhà riêng của Nguyễn Đăng N ở tổ dân phố C, phường A, thành phố B có Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Văn T đến nhà N để đánh bạc. Q rủ N, T đánh bạc ăn tiền và gọi điện thoại rủ Cao Văn H đến đánh bạc. Sau khi H đến, Q và H góp chung tiền để đánh bạc với T, trong đó Q tham gia đánh bạc trực tiếp, H cầm tiền chi, trả sau mỗi ván thắng thua. Q, T và H thống nhất đánh bạc bằng hình thức chơi Sâm ăn tiền với mức tiền cá cược là 10.000 đồng/1 lá bài, Sâm là 200.000 đồng. Quá trình đánh bạc thì T gọi điện thoại rủ Nguyễn Quang O đến đánh bạc. Lúc này, O đang đi cùng Nguyễn Văn Đ nên O rủ thêm Đ đến nhà N để đánh bạc.

Khoảng 15 phút sau, Đ và O đến tham gia đánh bạc. Lúc này, Q, H, T, O và Đ cùng thống nhất đánh bạc bằng hình thức chơi ba cây ăn tiền, mức tiền cá cược thấp nhất là 100.000 đồng, cao nhất là 300.000 đồng, trong đó: Q, T và O tham gia đánh bạc trực tiếp, H chung tiền với Q như ban đầu, Đ ngồi ghế đặt cửa của T và O. Quá trình đánh bạc thì H có gọi điện rủ thêm Nguyễn Đăng K đến đánh bạc. K đến rồi tham gia đánh bạc cùng mọi người bằng hình thức đặt cửa của Q. Tiếp sau K có Nguyễn Đăng Bình (Là bố của N) cũng đến tham gia đánh bạc cùng mọi người bằng hình thức đặt cửa của O. Những người tham gia đánh bạc gồm: Q, T, H, O, Đ, Bình và K. Đến khoảng gần 16 giờ 00 cùng ngày, Q và H đánh bạc thua hết tiền nên tất cả giải tán.

Quá trình điều tra vụ án xác định mỗi bị cáo có sử dụng số tiền đánh bạc, các bị cáo cầm cố tài sản, cho nhau vay tiền để phục vụ vào việc đánh bạc cụ thể như sau:

Q mang theo và sử dụng số tiền 6.000.000 đồng và H có 1.500.000 đồng (Là tiền vay của K trước khi vào đánh bạc) để đánh bạc, Q + H góp chung tiền để sử dụng đánh bạc với cả bọn, trong đó Q tham gia đánh bạc trực tiếp, H cầm tiền chia sau mỗi ván thắng thua. Quá trình đánh bạc bị thua, Q lần lượt cầm cố 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng của Q cho T để vay số tiền 5.000.000 đồng và cầm cố 01 chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 88H1 - 322.29 của Q cho T để vay số tiền 5.000.000 đồng lấy tiền tham gia đánh bạc. Còn H lần lượt cầm cố 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave màu sơn đỏ -

đen, biên kiểm soát 29C1 - 687.29 của H cho T được 4.000.000 đồng, H còn mượn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu trắng của K (K biết và đồng ý) đem cầm cố cho T vay 7.000.000 đồng để lấy tiền tiếp tục đánh bạc. Đến khi kết thúc, Q và H đều thua hết số tiền mang theo và số tiền đã cầm cố tài sản vay được như trên. Ngoài ra, khi đánh bạc Q nộp cho N chủ nhà 100.000 đồng tiền hồ.

T không mang theo tiền, T vay của Nguyễn Đăng N tiền để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Cụ thể: T vay lần 1 của N 3.000.000 đồng để đánh bạc, sau đó thắng bạc T trả N đủ 3.000.000 đồng. Sau đó, T vay N lần 2 là 10.000.000 đồng (Trong đó có 3.000.000 đồng đã trả nợ N lần trước đó) với mục đích đánh bạc và lần lượt nhận cầm cố tài sản của Q và H là xe mô tô và điện thoại như nêu trên. Đến khi kết thúc, T thắng bạc, T trả N số tiền 7.000.000 đồng, nợ lại 3.000.000 đồng, mang về 1.400.000 đồng. Ngoài ra, khi đánh bạc T nộp cho N chủ nhà số tiền 100.000 đồng tiền hồ.

O sử dụng số tiền 900.000 đồng và vay của Đ 1.500.000 đồng, tổng là 2.400.000 đồng dùng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, O thắng bạc, O trả nợ cho Bình số tiền 5.000.000 đồng (Vay từ trước không liên quan đến đánh bạc) và trả cho Đ 1.500.000 đồng, mang về 1.200.000 đồng. Ngoài ra, khi đánh bạc O nộp cho N chủ nhà số tiền 100.000 đồng tiền hồ.

Đ sử dụng số tiền 1.500.000 đồng không dùng để đánh bạc, số tiền này Đ cho O vay để đánh bạc. Sau đó, Đ vay N số tiền 500.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, Đ ngồi ngoài đặt cửa của O, đến khi kết thúc, Đ không thắng không thua, Đ trả cho N 500.000 đồng.

Bình sử dụng số tiền 1.200.000 đồng và sử dụng hết vào mục đích đánh bạc. Đến khi kết thúc, Bình thắng bạc số tiền 3.700.000 đồng, O trả cho Bình số tiền 5.000.000 đồng, Bình mang về tổng 9.900.000 đồng.

K sử dụng số tiền 200.000 đồng và đã sử dụng hết vào mục đích đánh bạc. K có đặt cửa Q 01 ván là 200.000 đồng bị thua nên K ngồi xem, K cho H mượn 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 (Điện thoại K mua bằng tiền trộm cắp và cũng là điện thoại liên lạc H rủ nhau đi đánh bạc) để H cầm cố cho T vay 7.000.000 đồng và sử dụng số tiền này để đánh bạc.

Tuy Nguyễn Đăng N không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng N đã cho T vay tiền 2 lần với tổng là 10.000.000 đồng và cho Đ vay số tiền 500.000 đồng để T và Đ sử dụng tham gia đánh bạc. N thu tiền hồ của T, Q và O với tổng số tiền là 300.000 đồng, N trực tiếp canh gác, canh giới để cho mọi người đánh bạc tại nhà của N.

Như vậy tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là: 21.800.000 đồng.

[3] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy cấp sơ thẩm điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Đăng N về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c khoản 1 Điều 322

Bộ luật hình sự 2015, Nguyễn Đăng Q về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015, Nguyễn Đăng K về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 và tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Đăng N, Nguyễn Đăng K, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, tại phiên toà phúc thẩm vẫn giữ nguyên kháng cáo. Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng. Các bị cáo tụ tập đánh bạc gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Hành vi phạm tội của bị cáo K còn xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án Nguyễn Đăng N là chủ nhà, cho các đối tượng đánh bạc tại nhà để thu tiền hồ, quá trình đánh bạc N đã cho các đối tượng đánh bạc vay tiền để đánh bạc (Cho T vay 02 lần với tổng số tiền là 10.000.000đ, cho Đ vay 500.000đ), trực tiếp canh gác, cảnh giới cho các đối tượng đánh bạc. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã cân nhắc, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để quyết định hình phạt 02 năm tù đối với bị cáo là có căn cứ.

Tuy nhiên cấp sơ thẩm nhận xét để quyết định truy tố, xét xử bị cáo N về tội “Tổ chức đánh bạc và gá bạc” là chưa chính xác, bởi vì các hành vi của N cho các đối tượng tụ tập đánh bạc tại nhà do mình quản lý với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 21.800.000đ, tạo điều kiện cho các đối tượng vay tiền để đánh bạc, thu tiền hồ, mặc dù không tổ chức nơi cầm cố tài sản nhưng cho các đối tượng cầm có tài sản với nhau lấy tiền đánh bạc, cảnh giới, mục đích của N khi thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc là nhằm giúp cho việc đánh bạc diễn ra trên thực tế, đã tạo ra những điều kiện cần thiết để cho việc đánh bạc trái phép được diễn ra, thoả mãn cấu thành của tội “Tổ chức đánh bạc”. Quy định của Điều 322 Bộ luật hình sự 2015 là Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc, cấu thành cơ bản của hai tội cơ bản giống nhau, nhưng hành vi của bị cáo N trong vụ án này thoả mãn nhiều hơn các yếu tố của tội tổ chức đánh bạc như phân tích ở trên. Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên sửa lại tội danh của bị cáo N.

Đối với bị cáo Nguyễn Đăng Q là người khởi xướng, rủ rê các đối tượng đánh bạc, dùng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 6.000.000đ. Khi bị thua hết tiền, Q lần lượt cầm cố 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của Q cho T để vay số tiền 5.000.000 đồng và cầm cố 01 chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 88H1 - 322.29 của Q cho T để vay số tiền 5.000.000 đồng lấy tiền tham gia đánh bạc. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã cân nhắc, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để quyết định hình phạt 01 năm 07 tháng tù đối với bị cáo Q là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Đăng K là người đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trị giá tài sản trộm cắp là 16.350.000đ. Sau khi có tiền do trộm cắp bị cáo đã cho Hoà vay 1.500.000đ để đánh bạc (Khi cho Hoà vay tiền, không biết Hoà dùng vào việc đánh bạc) và trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền 200.000đ. Khi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi (Mới 16 tuổi 11 tháng 07 ngày). Hội đồng xét xử sơ thẩm đã cân nhắc, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo và nguyên tắc áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để quyết định hình phạt 07 tháng tù về tội trộm cắp tài sản và 08 tháng tù về tội đánh bạc. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt cho cả hai tội là 01 năm 03 tháng tù, đối với bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là nghiêm khắc. Vì trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nhận thức pháp luật còn hạn chế, khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là do bộc phát, không có sự chuẩn bị từ trước, bị hại là cô ruột của bị cáo, gia đình bị cáo đã bồi thường, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; trong vụ án đánh bạc bị cáo vào sau, số tiền dùng vào việc đánh bạc không nhiều (200.000đ) đánh bạc một ván bị thua hết tiền, không chơi nữa; bị cáo có nơi cư trú ổn định. Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của các bị cáo Q, N không được chấp nhận nên bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm, kháng cáo của bị cáo K được chấp nhận nên bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Đăng N, giữ nguyên hình phạt bản án hình sự sơ thẩm số 41/2022/HS-ST ngày 11/7/2022 của Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng N 02 (Hai) năm tù về tội Tổ chức đánh bạc. Thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng Q 01 (Một) năm 07 (Bảy) tháng tù về tội Đánh bạc. Thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đăng K, giữ nguyên hình phạt bản án hình sự sơ thẩm số 41/2022/HS-ST ngày 11/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 321, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 91; Điều 98; Điều 101; Điều 103 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng K 07 (Bảy) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng; 08 (Tám) tháng tù về tội “Đánh bạc” cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo K phải chấp hành cho cả hai tội là 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đăng K cho Ủy ban nhân dân xã A, thành phố B, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Đăng N, Nguyễn Đăng Q, phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm, Nguyễn Đăng K không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND thành phố B;
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các bị cáo;
- UBND A, B, Vĩnh Phúc ;
- Lưu hồ sơ + Tòa hình sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Anh Cường

